

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/DS-ST
Ngày: 18-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Đức
2. Bà Hồ Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 247/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1962

Cư trú: Số 5A2 đường Tr, khóm T1, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Ph, sinh năm 1968

Cư trú: Lô 17 đường D, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965

Cư trú: Số 448 đường H, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974

Cư trú: Số 35A đường N, khóm L3, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà Bùi Thị Th có mặt, người làm chứng Nguyễn Thị T có mặt, bà Trương Thị Ph và bà Nguyễn Thị Kim H đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thị Th trình bày:

Thông qua bà Trương Thị Ph thì bà Bùi Thị Th biết bà Nguyễn Thị Kim H (thông gia với bà Ph) và đồng ý cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 21 tháng 3 năm 2020. Khi bà H vay tiền bà Th, thì bà Ph là người đứng ra bảo lãnh cho bà H và cam đoan nếu bà H không trả được tiền vay thì bà Ph sẽ trả thay. Việc bà Th cho bà H vay tiền được lập thành biên nhận và các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 5%/tháng. Nhưng sau khi vay tiền thì bà H và bà Ph không thực hiện việc đóng lãi, cũng không trả tiền vốn gốc cho bà Th. Hiện nay mặc dù bà Th có liên hệ để đòi lại tiền nhưng bà H và bà Ph đều cứ trốn tránh không chịu trả nợ, dù bà Th đã nhiều lần đòi.

Nay bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và bà Ph phải liên đới trách nhiệm trả cho bà Th số tiền 50.000.000 đồng vốn gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2020 cho đến khi trả được nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H và Trương Thị Ph: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Th trình bày: Sau khi nhận tiền vay, thì bà H có trả cho bà 2.300.000 đồng tiền lãi của một tháng, sau đó không trả tiền lãi và tiền gốc. Bà có tìm bà H đòi tiền nhưng bà H không trả. Nay bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà H và bà Ph.

- Bà Ph và bà H đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ngày 21 tháng 3 năm 2020, bà Bùi Thị Th có cho bà Nguyễn Thị Kim H vay tiền có viết giấy nợ thể hiện nội dung: Nguyễn Thị Kim H địa chỉ số 448 đường Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Xuyên, thành phố X, tỉnh An Giang nay có mượn của chị Thảo 50.000.000 đồng. Do bà H trốn tránh, không chịu trả nợ nên ngày 08 tháng 9 năm 2020, bà Th có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Riêng đối với tiền lãi, tại phiên tòa bà Th trình bày bà H có trả lãi được 01 tháng với số tiền 2.300.000 đồng theo mức lãi suất 5%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá quy định pháp luật cần điều chỉnh, khấu trừ và vốn gốc. Đối với yêu cầu buộc bà Ph liên đới trả nợ, bà Th chỉ trình bày miệng cho rằng bà Ph bảo lãnh cho bà H mượn nợ. Tuy nhiên, không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, chưa đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc bà Ph liên đới trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu buộc bà Ph liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi đã cho vay. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Ph và bà Nguyễn Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bà Nguyễn Thị Kim H, khi xác lập hợp đồng vay tài sản, tại Giấy nợ ngày 21 tháng 3 năm 2020 có ghi nội dung địa chỉ cụ thể của bà H. Nhưng sau khi xác lập hợp đồng, bà H có sự thay đổi về nơi cư trú và bà Th không biết về việc thay đổi này, không biết hiện nay bà H đang cư trú ở đâu. Như vậy, trường hợp này bà H được coi là có tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết, xét xử vụ án là đúng với quy định pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn bà Bùi Thị Th căn cứ vào Giấy nợ ngày 21 tháng 3 năm 2020 để khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H và bà Trương Thị Ph trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với Giấy nợ ngày

21 tháng 3 năm 2020 có chữ viết của bà H (do bà Th khai là bà H viết) thể hiện bà H có vay của bà Th số tiền 50.000.000 đồng và bà Th thừa nhận bà H mới chỉ trả cho bà được 2.300.000 đồng tiền lãi của một tháng theo mức lãi suất 5%/tháng, sau đó không trả nợ tiếp. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bà H đều vắng mặt và không cung cấp ý kiến đối với Giấy nợ ngày 21 tháng 3 năm 2020, không có ý kiến phản bác về chữ viết trong Giấy nợ, không phản bác đối với số tiền cho vay, mức lãi suất, số tiền đã trả và còn nợ lại. Do đó, giao dịch vay tài sản giữa các bên đã được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi vay tiền bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi bà Th có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với bà H là có căn cứ.

[3.2] Về việc bà Th yêu cầu bà Trương Thị Ph phải cùng bà H trả số tiền nợ cho bà, vì khi cho vay tiền bà Ph là người bảo lãnh cho bà H và cam đoan trả nợ thay nếu bà H không trả. Nhận thấy: Ngoài lời khai của bà Th và bà Nguyễn Thị T là người làm chứng (cũng là người có quan hệ vay tiền với bà Th), thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà Ph là người bảo lãnh cho bà H vay tiền. Giấy nợ ngày 21 tháng 3 năm 2020 chỉ ghi nhận nội dung về người vay tiền, số tiền, không có nội dung bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng biện pháp bảo lãnh. Bà Ph không có ý kiến, ký tên vào Giấy nợ ngày 21 tháng 3 năm 2020. Vì vậy, yêu cầu của bà Th đối với việc bà Ph phải cùng bà H trả nợ cho bà là chưa có căn cứ.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền còn nợ kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2020. Bà Th cho rằng hai bên khi vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và thừa nhận bà H đã trả được cho bà tiền lãi của 01 tháng là 2.300.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H là người chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên bà H phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc các bên thỏa thuận và thực hiện trả lãi theo mức lãi suất 5%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên phần tiền lãi mà bà H đã trả cho bà Th vượt quá quy định phải được điều chỉnh, khấu trừ vào số tiền vốn gốc để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Cụ thể:

- Số tiền lãi mỗi tháng theo quy định pháp luật là:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 01 \text{ tháng} = 833.333 \text{ đồng}$

- Số tiền lãi bà H đã trả vượt quá quy định pháp luật là:

$2.300.000 \text{ đồng} - 833.333 \text{ đồng} = 1.466.667 \text{ đồng}$

Bà H còn phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền chưa trả cho bà Th theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2020.

[3.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Th đối với bà Trương Thị Ph. Có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Th đối với bà Nguyễn Thị Kim

H. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Th số tiền vốn vay và lãi. Cụ thể:

- Vốn gốc: 50.000.000 đồng – 1.466.667 đồng = 48.533.333 đồng
- Tiền lãi chậm trả từ ngày 21 tháng 4 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (18 tháng 5 năm 2021): 48.533.333 đồng x 20%/năm x 393 ngày = 10.451.288 đồng
- Tổng cộng: 58.984.621 đồng

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên bà Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Th đối với bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Th số tiền 58.984.621 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi một đồng), trong đó tiền vốn là 48.533.333 đồng (bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và tiền lãi 10.451.288 đồng (mười triệu bốn trăm năm mươi một nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Th đối với bà Trương Thị Ph về việc yêu cầu bà Trương Thị Ph liên đới với bà Nguyễn Thị Kim H trả nợ cho bà Bùi Thị Th.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.949.000 đồng (hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Bà Trương Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005613 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh An Giang; bà Bùi Thị Th được nhận lại 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang